

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

97 PHẠM HỮU CHÍ P.12 Q.5

ĐT: 38552354 - FAX: 39550424



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2020**



NĂM 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2020	01/01/2020
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		177.656.462.079	142.349.937.835
I . Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	31.620.127.049	64.195.166.006
1. Tiền	111		31.620.127.049	20.145.979.406
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	44.049.186.600
II . Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	81.200.140.684	17.538.692.295
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		81.200.140.684	17.538.692.295
III . Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.991.465.157	36.085.187.128
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	39.036.767.743	30.247.394.591
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.762.067.434	6.974.169.150
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	5.944.066.944	2.191.987.615
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(5.751.436.964)	(3.328.364.228)
IV . Hàng tồn kho	140	V.7	15.853.517.371	17.620.798.911
Hàng tồn kho	141		15.853.517.371	17.620.798.911
V . Tài sản ngắn hạn khác	150		4.991.211.818	6.910.093.495
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.306.957.806	3.688.895.892
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.684.254.012	3.221.197.603
B . TÀI SẢN DÀI HẠN	200		271.432.374.575	276.529.562.130
I . Các khoản phải thu dài hạn	210		8.292.634	8.292.634
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	8.292.634	8.292.634
II . Tài sản cố định	220		199.059.301.770	206.393.165.553
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	198.193.351.883	205.384.093.362
<i>Nguyên giá</i>	222		758.865.573.101	755.413.510.123
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(560.672.221.218)	(550.029.416.761)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	865.949.887	1.009.072.191
<i>Nguyên giá</i>	228		6.273.444.666	6.273.444.666
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.407.494.779)	(5.264.372.475)
III . Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV . Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	12.183.591.064	6.183.490.778
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		12.183.591.064	6.183.490.778
V . Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	8.330.000	8.330.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8.330.000	8.330.000
VI . Tài sản dài hạn khác	260		60.172.859.107	63.936.283.165
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	60.172.859.107	63.936.283.165
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		449.088.836.654	418.879.499.965

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2020	01/01/2020
C . NỢ PHẢI TRẢ	300		224.990.798.473	202.037.183.389
I . Nợ ngắn hạn	310		178.681.461.508	154.484.937.488
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	106.076.208.824	91.386.763.201
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	9.959.532.032	10.161.719.853
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	13.650.375.899	13.550.039.289
4. Phải trả người lao động	314		9.116.338.248	10.305.303.223
0 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	20.077.097.300	10.711.847.966
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	8.665.592.900	8.230.092.579
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	10.194.963.982	5.615.559.054
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	941.352.323	4.523.612.323
II . Nợ dài hạn	330		46.309.336.965	47.552.245.901
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	14.074.496.959	14.383.187.136
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	30.999.345.552	31.933.564.311
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	1.235.494.454	1.235.494.454
D . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		224.098.038.181	216.842.316.576
I . Vốn chủ sở hữu	410	V.20	224.098.038.181	216.842.316.576
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		130.000.000.000	130.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>130.000.000.000</i>	<i>130.000.000.000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		63.849.723.527	63.849.723.527
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.248.314.654	22.992.593.049
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>22.992.593.049</i>	<i>942.434.827</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>7.255.721.605</i>	<i>22.050.158.222</i>
II . Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		449.088.836.654	418.879.499.965

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2020


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng


HUYNH TUẤN ANH
 Giám đốc

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020	Từ 01/01/2019
			đến 31/03/2020	đến 31/03/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		299.265.104.404	254.330.750.647
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		962.064.936	88.617.403
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	298.303.039.468	254.242.133.244
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	265.436.598.830	234.130.504.295
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.866.440.638	20.111.628.949
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	311.655.201	249.859.722
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	770.356.913	644.973.105
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		770.356.913	644.973.105
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	8.135.514.701	4.529.075.218
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	15.577.959.691	10.112.101.359
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.694.264.534	5.075.338.989
11. Thu nhập khác	31		11.669.218	121.984.707
12. Chi phí khác	32		(127.875.227)	248.674.572
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	139.544.445	(126.689.865)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.833.808.979	4.948.649.124
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	1.578.087.374	888.880.686
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.255.721.605	4.059.768.438
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	558	312
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10b	558	312

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2020



NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu



VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng



HUỶNH TUẤN ANH
Giám đốc

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.833.808.979	4.948.649.124
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		11.189.566.196	11.899.834.697
- Các khoản dự phòng	03		2.423.072.736	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(311.655.201)	(249.859.722)
- Chi phí lãi vay	06		770.356.913	644.973.105
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.905.149.623	17.243.597.204
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.374.570.536)	(7.254.342.022)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.767.281.540	2.328.698.382
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		21.048.291.987	(18.534.369.713)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.145.362.144	4.736.568.778
- Tiền lãi vay đã trả	14		(803.962.666)	(644.973.105)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.630.851.787)	(2.631.177.025)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	50.300.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.582.260.000)	(2.707.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		33.474.440.305	(7.413.297.501)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.913.925.605)	(17.037.312.060)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(63.661.448.389)	(34.613.082.192)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	25.979.931.507
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		893.818.563	1.112.256.982
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(69.681.555.431)	(24.558.205.763)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		5.029.906.169	6.649.737.380
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.384.720.000)	(1.101.570.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.110.000)	(14.602.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.632.076.169	5.533.564.880
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(32.575.038.957)	(26.437.938.384)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		64.195.166.006	32.462.303.526
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	31.620.127.049	6.024.365.142

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2020


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởngBÙYNH TUẤN ANH
Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Chợ Lon Wasuco JSC) là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất lần thứ nhất ngày 02 tháng 06 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai số 0304797806 ngày 16 tháng 05 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Ông Lê Trọng Hiếu thay thế Ông Phạm Mạnh Đức.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ ba số 0304797806 ngày 18 tháng 5 năm 2018, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Huỳnh Tuấn Anh thay thế Ông Lê Trọng Hiếu

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 223/2010/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 13.000.000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 130.000.000.000 VND. Ngày 11 tháng 01 năm 2011, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CLW.

- **Vốn điều lệ** : 130.000.000.000 VND
 - Số cổ phiếu : 13.000.000 cổ phiếu
 - Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Số 97 đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-28) 3 9552 354
- Fax : (84-28) 3 9550 424
- Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 7 8 0 6

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thẩm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính

Công ty hiện đang hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu thiết yếu cho tiêu dùng và sản xuất, cùng với sự phát triển của hệ thống đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật nói chung và hệ thống công trình cấp nước nói riêng từng bước được đầu tư xây dựng đồng bộ nhằm đáp ứng các nhu cầu của xã hội là sự gia tăng về các chi phí lắp đặt hệ thống, mạng lưới cấp nước. Do đặc thù ngành nghề, hàng năm Công ty đều phát sinh các khoản chi phí gắn đồng hồ nước miễn phí cho khách hàng theo quy định tại Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007, số lượng gắn mới đồng hồ nước mỗi năm là khác nhau, căn cứ theo kế hoạch phát triển mạng lưới cấp nước sạch cho dân. Quý 1 năm 2020, Công ty tạm ghi nhận toàn bộ chi phí gắn mới đồng hồ nước của quý 1 năm 2020 vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, thay vì phân bổ dần vào Kết quả kinh doanh trong thời gian hữu dụng của đồng hồ nước. Việc thay đổi thời gian phân bổ chi phí này có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty trong năm nay (Xem thuyết minh số III.2).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và báo cáo tài chính quý 1 năm 2019

7. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2020 là 460 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 461 người).

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm 2020 là kỳ kế toán năm thứ 14 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Thay đổi ước tính kế toán

Như đã trình bày ở thuyết minh số I.5, do đặc thù ngành nghề, hàng năm Công ty đều phát sinh các khoản chi phí gắn đồng hồ nước miễn phí cho khách hàng theo quy định tại Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007, số lượng gắn mới đồng hồ nước mỗi năm là khác nhau, căn cứ theo kế hoạch phát triển mạng lưới cấp nước sạch cho dân. Quý 1 năm 2020, Công ty tạm ghi nhận toàn bộ chi phí gắn mới đồng hồ nước của quý 1 năm 2020 vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, thay vì phân bổ dần vào Kết quả kinh doanh trong thời gian hữu dụng của đồng hồ nước.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc thiết bị	05 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10
Phương tiện truyền dẫn	10 – 30

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 2 - 3 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Tài

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

sản cố định” khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên, chi phí gắn mới và thay thế đồng hồ nước, chi phí cài tạo ống mục và chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí thay đồng hồ nước định kỳ, chi phí cài tạo ống mục được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng làm việc, được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả bồi thường, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

17. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009. Năm nay Công ty đã hết được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

20. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/03/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Tiền mặt	3.731.805	42.501.581
Tiền gửi ngân hàng	31.616.395.244	20.103.477.825
Các khoản tương đương tiền (i)	-	44.049.186.600
Cộng	<u>31.620.127.049</u>	<u>64.195.166.006</u>

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>31/03/2020</u>		<u>01/01/2020</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn				
a) Ngắn hạn	81.200.140.684	81.200.140.684	17.538.692.295	17.538.692.295
Tiền gửi có kỳ hạn	81.200.140.684	81.200.140.684	17.538.692.295	17.538.692.295
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn (i)	53.196.513.384	53.196.513.384	17.538.692.295	17.538.692.295
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	28.003.627.300	28.003.627.300	-	-
b) Dài hạn	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
Các khoản đầu tư khác	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
Cộng	<u>81.208.470.684</u>	<u>81.208.470.684</u>	<u>17.547.022.295</u>	<u>17.547.022.295</u>

(i) Khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 6,6%-7,5%/ năm (Năm 2019 là 7,4%/ năm)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/03/2020</u>		<u>01/01/2020</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	8.690.387.543	-	8.744.552.186	-
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ cung cấp nước	30.064.095.218	5.751.436.964	21.190.903.200	3.328.364.228
Các khách hàng liên quan đến dịch vụ khác	282.284.982	-	311.939.205	-
Cộng	<u>39.036.767.743</u>	<u>5.751.436.964</u>	<u>30.247.394.591</u>	<u>3.328.364.228</u>

Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/03/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	8.690.387.543	-	8.744.552.186	-
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch	-	-	-	-
Cộng	8.690.387.543	-	8.744.552.186	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2020	01/01/2020
Công ty TNHH ĐTXD - Cấp Thoát Nước & Môi Trường WASEEN	2.038.492.595	2.709.245.435
Công ty Cổ phần Xây Dựng số 5	845.001.034	-
Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	54.020.108	54.020.108
Công ty TNHH Bảo Phú Nam	273.662.360	1.048.734.055
Công ty TNHH MTV CN Đồng Tâm Đồng Tiến	-	1.466.683.269
Các khách hàng khác	1.550.891.337	1.695.486.283
Cộng	4.762.067.434	6.974.169.150

Trong đó trả trước người bán là các bên liên quan

Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	54.020.108	54.020.108
Cộng	54.020.108	54.020.108

5. Các khoản phải thu khác

	31/03/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	5.944.066.944	-	2.191.987.615	-
Phải thu khác là bên liên quan	-	-	-	-
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	-	-	-	-
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch	-	-	-	-
Phải thu khác	5.944.066.944	-	2.191.987.615	-
Phải thu về khoản cho mượn vật tư	5.572.689.826	-	1.297.847.135	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	582.163.362	-
Phải thu khác	273.837.118	-	273.837.118	-
Tạm ứng	97.540.000	-	38.140.000	-
b) Phải thu dài hạn khác	8.292.634	-	8.292.634	-
Ký quỹ dài hạn	8.292.634	-	8.292.634	-
Cộng	5.952.359.578	-	2.200.280.249	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	31/03/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng	7.578.700.943	1.827.263.979	5.751.436.964	4.467.565.727	1.139.201.499	3.328.364.228
Cộng	7.578.700.943	1.827.263.979	5.751.436.964	4.467.565.727	1.139.201.499	3.328.364.228

Thuyết minh thông tin về các khoản nợ xấu

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,... theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

7. Hàng tồn kho

	31/03/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.725.736.126	-	17.493.017.666	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	127.781.245	-	127.781.245	-
Cộng	15.853.517.371	-	17.620.798.911	-

8. Chi phí trả trước

	31/03/2020	01/01/2020
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	3.306.957.806	3.688.895.892
Công cụ dụng cụ	2.091.157.806	1.932.495.892
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	1.215.800.000	1.756.400.000
b) Chi phí trả trước dài hạn	60.172.859.107	63.936.283.165
Chi phí sửa chữa văn phòng	976.602.385	464.402.951
Gắn đồng hồ nước theo NĐ 117	26.075.056.074	30.119.000.581
Thay đồng hồ nước	26.615.172.991	26.768.665.962
Chi phí CTOM	201.998.612	530.271.111
Chi phí cải tạo ống mục, thay đồng hồ tổng phục vụ CTTN	6.304.029.045	6.053.942.560
Cộng	63.479.816.913	67.625.179.057

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2020	29.216.148.586	1.478.337.878	705.694.938.800	19.024.084.859	755.413.510.123
Tăng trong năm	-	197.160.000	3.238.475.026	581.500.950	4.017.135.976
Mua trong năm	-	197.160.000	8.500.000	581.500.950	787.160.950
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	3.229.975.026	-	3.229.975.026
Giảm trong năm	-	-	565.072.998	-	565.072.998
Thanh lý, nhượng bán	-	-	403.639.435	-	403.639.435
Giảm nguyên giá theo Quyết toán	-	-	161.433.563	-	161.433.563
31/03/2020	29.216.148.586	1.675.497.878	708.368.340.828	19.605.585.809	758.865.573.101
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2020	2.330.139.218	893.846.076	530.398.697.059	16.406.734.408	550.029.416.761
Tăng trong năm	146.382.621	52.595.361	10.333.317.765	514.148.145	11.046.443.892
Khấu hao trong năm	146.382.621	52.595.361	10.333.317.765	514.148.145	11.046.443.892
Giảm trong năm	-	-	403.639.435	-	403.639.435
Thanh lý, nhượng bán	-	-	403.639.435	-	403.639.435
31/03/2020	2.476.521.839	946.441.437	540.328.375.389	16.920.882.553	560.672.221.218
Giá trị còn lại					
01/01/2020	26.886.009.368	584.491.802	175.296.241.741	2.617.350.451	205.384.093.362
31/03/2020	26.739.626.747	729.056.441	168.039.965.439	2.684.703.256	198.193.351.883
Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng, chi tiết:					
01/01/2020	-	712.966.486	308.422.998.231	10.925.576.819	320.061.541.536
31/03/2020	-	712.966.486	323.064.212.576	10.925.576.819	334.702.755.881

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Phần mềm Quản lý</u>	<u>Cộng TSCĐ vô hình</u>
Nguyên giá		
01/01/2020	6.273.444.666	6.273.444.666
Tăng trong năm	-	-
<i>Mua trong năm</i>	-	-
Đầu tư xây dựng hoàn thành	-	-
Giảm trong năm	-	-
<i>Điều chỉnh phân loại</i>	-	-
31/03/2020	6.273.444.666	6.273.444.666
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2020	5.264.372.475	5.264.372.475
Tăng trong năm	143.122.304	143.122.304
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>143.122.304</i>	<i>143.122.304</i>
Giảm trong năm	-	-
31/03/2020	5.407.494.779	5.407.494.779
Giá trị còn lại		
01/01/2020	1.009.072.191	1.009.072.191
31/03/2020	865.949.887	865.949.887
Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		
01/01/2020	4.581.186.666	4.581.186.666
31/03/2020	4.731.186.666	4.731.186.666

11. Tài sản dở dang dài hạn

	<u>31/03/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Xây dựng cơ bản dở dang		
Công trình di dời đường ống	546.934.061	546.934.061
Công trình chống thất thoát nước	375.375.003	375.375.003
Công trình cải tạo ống mục	7.770.203.551	1.394.041.948
Công trình đầu tư ống cái	834.666.898	1.210.728.215
Công trình phát triển mạng lưới	2.656.411.551	2.656.411.551
Cộng	12.183.591.064	6.183.490.778

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	95.740.874.604	95.740.874.604	84.226.174.885	84.226.174.885
Công ty CP ĐT XD Kỹ Nguyên	1.185.844.849	1.185.844.849	1.005.709.682	1.005.709.682
Công ty TNHH TV XD TM Bách Thịnh	207.277.688	207.277.688	-	-
Công ty TNHH PTP Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh	-	-	-	-
Nhà cung cấp khác	3.988.251.683	3.988.251.683	3.677.898.634	3.677.898.634
Cộng	106.076.208.824	106.076.208.824	91.386.763.201	91.386.763.201

Trong đó phải trả người bán là bên liên quan

	31/03/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn	95.740.874.604	95.740.874.604	84.226.174.885	84.226.174.885
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh	-	-	-	-
Cộng	95.740.874.604	95.740.874.604	84.226.174.885	84.226.174.885

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/03/2020	01/01/2020
Tạm thu chi phí thiết kế ống cống	47.500.000	47.393.390
Tiền nước chưa giải trách	9.903.927.585	10.107.392.274
Các khách hàng khác	8.104.447	6.934.189
Cộng	9.959.532.032	10.161.719.853

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2020	Số phải nộp	Số đã nộp	31/03/2020
Thuế Giá trị gia tăng nội địa	-	15.089.851.031	15.089.851.031	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.630.851.787	1.578.087.374	2.630.851.787	1.578.087.374
Thuế thu nhập cá nhân	612.834.811	1.375.617.520	1.939.935.745	48.516.586
Tiền nhà đất, tiền thuê đất	-	600.000.000	-	600.000.000
Các loại thuế khác	-	-	-	-
- Thuế môn bài	-	-	-	-
Phí bảo vệ môi trường	10.306.352.691	27.891.754.927	26.774.335.679	11.423.771.939
Cộng	13.550.039.289	44.957.223.478	46.434.974.242	13.650.375.899

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/03/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán.	935.643.526	879.640.135
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo nghị định 117	1.001.462.826	3.539.703.335
Trích trước chi phí sửa bể, TLMĐ sửa bể, nâng dờn ĐHN (TK 6272,1543)	2.982.989.100	4.702.760.064
Trích trước chi phí gắn Ống cái	-	657.988.875
Thù lao HĐQT	347.500.000	197.500.000
Chi phí Lãi vay	539.696.468	573.302.221
Trích trước chi phí thuê tài sản	11.121.352.044	-
Chi phí khác	3.148.453.336	160.953.336
Cộng	<u>20.077.097.300</u>	<u>10.711.847.966</u>

16. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	8.665.592.900	8.230.092.579
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	711.572.719	711.572.719
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	70.000.000	70.000.000
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	9.387.138	9.387.138
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	4.644.559.519	4.303.310.659
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	274.191.057	5.396.032
Cổ tức phải trả cho cổ đông	1.147.799.190	1.160.909.190
Các khoản phải trả khác	1.808.083.277	1.969.516.841
b) Phải trả dài hạn khác	14.074.496.959	14.383.187.136
Phải trả khách hàng đầu tư ống cái gắn đồng hồ nước	14.074.496.959	14.383.187.136
Cộng	<u>22.740.089.859</u>	<u>22.613.279.715</u>
Trong đó phải trả khác là bên liên quan		
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	711.572.719	711.572.719
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	70.000.000	70.000.000
Cộng	<u>781.572.719</u>	<u>781.572.719</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vay và nợ tài chính**

	01/01/2020		Trong năm			31/03/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Kết chuyển nợ dài hạn	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.615.559.054	5.615.559.054	-	1.384.720.000	5.964.124.928	10.194.963.982	10.194.963.982
Vay dài hạn Ngân hàng NN&PTNT đến hạn trả (i)	5.615.559.054	5.615.559.054		1.384.720.000	5.538.880.000	9.769.719.054	9.769.719.054
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Thành (ii)	-	-	-	-	425.244.928	425.244.928	425.244.928
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	31.933.564.311	31.933.564.311	5.029.906.169	-	(5.964.124.928)	30.999.345.552	30.999.345.552
Ngân hàng NN&PTNT (i)	29.096.439.312	29.096.439.312			(5.538.880.000)	23.557.559.312	23.557.559.312
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Thành (ii)	2.837.124.999	2.837.124.999	5.029.906.169		(425.244.928)	7.441.786.240	7.441.786.240
Cộng	37.549.123.365	37.549.123.365	5.029.906.169	1.384.720.000	-	41.194.309.534	41.194.309.534

(i) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn :

Hợp đồng tín dụng : Số 6220-LAV-2017.01235/HĐTD ngày 30 ngày 11 tháng 2017.

Số tiền cho vay : 43.800.000.000 VND.

Thời gian cho vay : 8 năm (kể từ ngày giải ngân).

Thời gian ân hạn : 1 năm.

Lãi suất cho vay : 7,5%/ năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, điều chỉnh theo kỳ hạn 6 tháng/ lần hoặc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Kỳ thanh toán nợ gốc : Trả đều hàng quý, cùng kỳ với nợ lãi, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Kỳ thanh toán lãi : Ngày 20 hàng quý (20/1, 20/4, 20/7 và 20/10).

Mục đích sử dụng vốn vay : Đầu tư thay mới ống mục trên địa bàn Quận 5, Quận 6, Quận 8 cho 16 dự án đã có Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay là Hệ thống đường ống cấp nước và các tài sản có liên quan do Agribank - Chi nhánh Chợ Lớn tài trợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 6220-LCL-2017.01008/HTTL ngày 16/10/2017.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sài Thành

Hợp đồng tín dụng	: Số 0017/TD3.TC/19CD ngày 01 ngày 10 tháng 2019.
Số tiền cho vay	: 38.000.000.000 VND.
Thời gian cho vay	: 120 tháng (kể từ ngày giải ngân).
Thời gian ân hạn	: 1 năm.
Lãi suất cho vay	: 7,5%/ năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, chu kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/ lần.
Kỳ thanh toán nợ gốc	: 3 tháng/kỳ, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.
Kỳ thanh toán lãi	: Ngày 26 hàng tháng.
Mục đích sử dụng vốn vay	: Đầu tư dự án thay mới ống mục tại địa bàn Quận 5, Quận 6, Quận 8 TP. Hồ Chí Minh do Công ty làm chủ đầu tư.
Tài sản đảm bảo	: Không có.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/03/2020	01/01/2020
Trong vòng 1 năm	5.964.124.928	5.615.559.054
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	25.557.479.424	23.382.384.864
Sau 5 năm	9.672.705.182	8.551.179.447
Cộng	41.194.309.534	37.549.123.365
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(5.964.124.928)	(5.615.559.054)
Số phải trả sau 12 tháng	35.230.184.606	31.933.564.311

18. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Tại ngày 01 tháng 01	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Tăng khác	Tại ngày 31 tháng 03
2019					
Quỹ khen thưởng	1.688.736.534	2.800.000.000	2.679.258.333	52.090.000	1.861.568.201
Quỹ phúc lợi	1.515.939.660	2.400.000.000	1.331.204.264	2.825.000	2.587.560.396
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	74.483.726	336.500.000	336.500.000	-	74.483.726
Cộng	3.279.159.920	5.536.500.000	4.346.962.597	54.915.000	4.523.612.323
2020					
Quỹ khen thưởng	1.861.568.201	-	1.513.200.000	-	348.368.201
Quỹ phúc lợi	2.587.560.396	-	2.069.060.000	-	518.500.396
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	74.483.726	-	-	-	74.483.726
Cộng	4.523.612.323	-	3.582.260.000	-	941.352.323

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2019	130.000.000.000	63.849.723.527	16.878.934.827	210.728.658.354
Lãi trong năm trước	-	-	22.050.158.222	22.050.158.222
Trích lập các quỹ ĐTPPT – DPTC	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.536.500.000)	(5.536.500.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(10.400.000.000)	(10.400.000.000)
31/12/2019	130.000.000.000	63.849.723.527	22.992.593.049	216.842.316.576
	-	-	-	-
01/01/2020	130.000.000.000	63.849.723.527	22.992.593.049	216.842.316.576
Lãi trong năm nay	-	-	7.255.721.605	7.255.721.605
Trích lập các quỹ ĐTPPT – DPTC	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-
31/03/2020	130.000.000.000	63.849.723.527	30.248.314.654	224.098.038.181

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 số **0304797806** ngày 18 tháng 05 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 13.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 3		31/03/2020	01/01/2020
	VND	%	VND	VND
Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn	3.000.000.000	2,31	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Á	2.766.520.000	2,13	-	-
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. HCM	3.005.000.000	2,31	3.005.000.000	3.005.000.000
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	66.304.000.000	51,00	66.304.000.000	66.304.000.000
Ông Lê Huy Hùng	-	-	21.567.900.000	21.567.900.000
Các cổ đông khác	54.924.480.000	42,25	36.123.100.000	36.123.100.000
Cộng	130.000.000.000	100,00	130.000.000.000	130.000.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	31/03/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

20. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 1/2020	Quý 1/2019
Doanh thu thuần		
Doanh thu cung cấp nước	293.697.442.476	250.330.438.222
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.605.596.992	3.911.695.022
Cộng	298.303.039.468	254.242.133.244

21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp nước	261.681.707.706	231.274.126.801
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.754.891.124	2.856.377.494
Cộng	265.436.598.830	234.130.504.295

22. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	297.590.827	240.989.471
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.064.374	8.870.251
Cộng	311.655.201	249.859.722

23. Chi phí tài chính

Lãi tiền vay	770.356.913	644.973.105
Cộng	770.356.913	644.973.105

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

24. Chi phí bán hàng

	<u>Quý 1/2020</u>	<u>Quý 1/2019</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	7.292.246.743	3.880.192.001
Chi phí công cụ, dụng cụ	136.219.368	149.935.981
Chi phí khấu hao	290.676.771	147.275.523
Chi phí bằng tiền khác	416.371.819	351.671.713
Cộng	<u>8.135.514.701</u>	<u>4.529.075.218</u>

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	6.393.756.106	4.974.459.612
Chi phí đồ dùng văn phòng	471.040.847	798.374.628
Chi phí khấu hao	803.653.070	1.132.707.527
Thuế, phí và lệ phí	43.941.794	55.636.030
Thuê đất	600.000.000	295.117.200
Chi phí dự phòng	2.423.072.736	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.200.000	39.619.010
Chi phí bằng tiền khác	4.829.295.138	2.816.187.352
Cộng	<u>15.577.959.691</u>	<u>10.112.101.359</u>

26. Lợi nhuận khác

Thu nhập khác	11.669.218	121.984.707
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	-	909.091
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	-	110.352.758
Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước	11.668.000	-
Thu nhập khác	1.218	10.722.858
Chi phí khác	(127.875.227)	248.674.572
Chi phí thanh lý Tài sản cố định	-	99.840.294
Nộp thuế chậm nộp	-	92.367.240
Chi phí hồ sơ mời thầu	7.421.015	150.000
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ống cái	(135.402.852)	56.274.762
Chi phí khác	106.610	42.276
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	<u>139.544.445</u>	<u>(126.689.865)</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý 1/2020	Quý 1/2019
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	8.833.808.979	4.948.649.124
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	8.668.380.370	4.460.650.730
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	165.428.609	487.998.394
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	19.789.947	-
Chi phí phạt nộp chậm, truy thu thuế	19.789.947	-
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	22%	23%
Thu nhập chịu thuế	8.853.598.926	4.948.649.124
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi	1.926.324.117	1.008.491.387
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi	6.761.846.200	3.452.159.343
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	165.428.609	487.998.384
Thuế suất áp dụng		
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	10%	10%
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.578.087.374	888.880.686

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Theo Biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2018, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009.

Năm 2020 Công ty không còn được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% đối với thu nhập từ hoạt động quản lý phát triển hệ thống cấp thoát nước. Chỉ còn được hưởng thuế suất 10%.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

28. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Quý 1/2020	Quý 1/2019
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.255.721.605	4.059.768.438
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.255.721.605	4.059.768.438
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	558	312

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Quý 1/2020	Quý 1/2019
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.255.721.605	4.059.768.438
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.255.721.605	4.059.768.438
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	7.255.721.605	4.059.768.438
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.000.000	13.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	558	312

29. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Quý 1/2020	Quý 1/2019
Chi phí nước sạch	206.673.649.685	180.170.169.778
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.070.129.614	2.429.150.315
Chi phí nhân công	34.831.865.551	26.884.531.442
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.220.131.667	11.899.834.697
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.373.719.918	11.619.934.562
Chi phí khác bằng tiền	16.980.576.787	15.768.060.078
Cộng	289.150.073.222	248.771.680.872

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>31/03/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Mua sắm/ xây dựng tài sản trong năm chưa thanh toán	-	-
Cổ tức chưa thanh toán	1.147.799.190	1.160.909.190
Lãi vay chưa thanh toán	539.696.468	573.302.221
Lãi tiền gửi còn dự thu	-	582.163.362

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>31/03/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối năm trước đã thu trong năm nay	582.163.362	941.469.774
Cổ tức năm trước được chi trả trong năm nay	13.110.000	1.065.178.735
Mua sắm tài sản cố định năm trước chi trả trong năm nay	-	2.555.816.179

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
Công ty Công trình giao thông Công Chánh
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh
Chi nhánh Cấp nước Tân Hòa
Công ty CP Cấp nước Nhà Bè

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Quý 1/2020</u>	<u>Quý 1/2019</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn		
Mua hàng hóa (nước sạch)	206.673.649.685	177.084.061.589
Mua vật tư	-	-
Thuê tài sản hoạt động	-	-
Lãi vay phải trả	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quý 1/2020</u>	<u>Quý 1/2019</u>
Phải trả XDCB và TSCĐ	-	-
Phải trả do thu hộ và tiền dịch vụ khác	44.800.000	-
Phải thu do chi hộ	-	-
Phải thu cho thuê TSCĐ huyện Bình Chánh	1.322.780.388	-
Phải thu do chuyển nhượng ĐHN huyện Bình Chánh	-	-
Phải thu do cung cấp dịch vụ khác	-	(175.235.045)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>31/03/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn		
Phải thu thương mại	8.690.387.543	8.744.552.186
Phải trả thương mại	(95.740.874.604)	(84.226.174.885)
Phải trả phí thực hiện công trình XDCB	(711.572.719)	(711.572.719)
Công ty Công trình giao thông Công Chánh		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(70.000.000)	(70.000.000)
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tự thiết kế, tư vấn giám sát công trình	54.020.108	54.020.108

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Quý 1/2020</u>	<u>Quý 1/2019</u>
Tiền lương	648.000.000	648.000.000
Các khoản bảo hiểm phải trả	24.239.943	22.383.900
Cộng	672.239.943	670.383.900

2. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (quận 5, quận 6, quận 8, quận Bình Tân).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.17a và V.17b trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>31/03/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Các khoản vay	41.194.309.534	37.549.123.365
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(31.620.127.049)	(64.195.166.006)
Nợ thuần	9.574.182.485	(26.646.042.641)
Vốn chủ sở hữu	224.098.038.181	216.842.316.576
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,04	(0,12)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>31/03/2020</u>		<u>01/01/2020</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.620.127.049	31.620.127.049	64.195.166.006	64.195.166.006
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	81.208.470.684	81.208.470.684	17.547.022.295	17.547.022.295
Phải thu của khách hàng	33.285.330.779	27.533.893.815	26.919.030.363	23.590.666.135
Phải thu khác	8.292.634	8.292.634	590.455.996	590.455.996
Cộng	146.122.221.146	140.370.784.182	109.251.674.660	105.923.310.432
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	106.076.212.124	106.076.212.124	91.386.763.201	91.386.763.201
Chi phí phải trả	20.077.097.300	20.077.097.300	10.711.847.966	10.711.847.966
Phải trả khác	22.456.511.664	22.456.511.664	22.598.496.545	22.598.496.545
Các khoản vay	41.194.309.534	41.194.309.534	37.549.123.365	37.549.123.365
Cộng	189.804.130.622	189.804.130.622	162.246.231.077	162.246.231.077

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Toàn bộ các khoản vay của Công ty là từ Công ty mẹ và các Công ty trong cùng tập đoàn với lãi suất ổn định nên Công ty không có rủi ro về lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng..).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/03/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.620.127.049	-	-	31.620.127.049
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	81.200.140.684	8.330.000	-	81.208.470.684
Phải thu của khách hàng	27.533.893.815	-	-	27.533.893.815
Phải thu khác	-	8.292.634	-	8.292.634
Cộng	140.354.161.548	16.622.634	-	140.370.784.182
Phải trả cho người bán	106.076.212.124	-	-	106.076.212.124
Chi phí phải trả	20.077.097.300	-	-	20.077.097.300
Phải trả khác	8.382.014.705	14.074.496.959	-	22.456.511.664
Các khoản vay	5.964.124.928	25.557.479.424	9.672.705.182	41.194.309.534
Cộng	140.499.449.057	39.631.976.383	9.672.705.182	189.804.130.622
Chênh lệch thanh khoản thuần	(145.287.509)	(39.615.353.749)	(9.672.705.182)	(49.433.346.440)
01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.195.166.006	-	-	64.195.166.006
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	17.538.692.295	8.330.000	-	17.547.022.295
Phải thu của khách hàng	23.590.666.135	-	-	23.590.666.135
Phải thu khác	582.163.362	8.292.634	-	590.455.996
Cộng	105.906.687.798	16.622.634	-	105.923.310.432
Phải trả cho người bán	91.386.763.201	-	-	91.386.763.201
Chi phí phải trả	10.711.847.966	-	-	10.711.847.966

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả khác	8.215.309.409	14.383.187.136	-	22.598.496.545
Các khoản vay	5.615.559.054	23.382.384.864	8.551.179.447	37.549.123.365
Cộng	115.929.479.630	37.765.572.000	8.551.179.447	162.246.231.077

Chênh lệch thanh khoản thuần

(10.022.791.832) (37.748.949.366) (8.551.179.447) (56.322.920.645)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2020

NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng



HUYNH TUẤN ANH
Giám đốc

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BẢN GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUÍ I NĂM 2020

Theo báo cáo kết quả kinh doanh quý 1 năm 2020 của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn, những chỉ tiêu có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của quý 1 năm 2020 như sau:

I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2020	Quý I năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Doanh thu nước	293.697.442.476	249.087.582.457	44.609.860.019	117,91%
Doanh thu cung cấp dịch vụ gồm:	4.605.596.992	5.154.550.787	(548.953.795)	89,35%
Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động	1.322.780.388	1.242.855.765	79.924.623	106,43%
Doanh thu dịch vụ	3.282.816.604	3.911.695.022	(628.878.418)	83,92%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	298.303.039.468	254.242.133.244	44.060.906.224	117,33%

b. Thuyết minh:

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 1 năm 2020 tăng so với quý 1 năm 2019 là 44.060.906.224 đồng, tỷ lệ tăng 117,33% do

1. Doanh thu nước tăng 44.609.860.019, tỷ lệ tăng 117,91% do:

Giá bán nước bình quân quý 1 năm 2020 tăng so với quý 1 năm 2019 là 1.013,5 đồng/m³, tỷ lệ tăng 110,61% làm cho doanh thu tăng 26.416.259.443 đồng,

Sản lượng nước cung cấp quý 1 năm 2020 tăng so với quý 1 năm 2019 là 1.721.232m³, tỷ lệ tăng 106,6% làm cho doanh thu tăng 18.193.600.576 đồng

2. Doanh thu cho thuê TSCĐ huyện Bình Chánh quý 1 năm 2020 cao hơn quý 1 năm 2019 là 79.924.632 đồng, tỷ lệ 106,43%

3. Doanh thu cung cấp dịch vụ quý 1 năm 2020 giảm so với quý 1 năm 2019 là 628.878.418 đồng, tỷ lệ giảm 16,08%

II. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2020	Quý I năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Giá vốn hàng bán nước	261.681.707.706	231.274.126.800	30.407.580.906	113,15%
Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ gồm:	3.754.891.124	2.856.377.494	898.513.630	131,46%
Giá vốn dịch vụ	2.785.456.595	2.856.377.494	(70.920.899)	97,52%
Chi phí KHTSCĐ cho thuê	969.434.529	-	969.434.529	
Cộng	265.436.598.830	234.130.504.294	31.306.094.536	113,37%

Trong đó chi tiết giá vốn nước:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2020	Quý I năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu - nước sạch	206.673.649.685	180.170.169.778	26.503.479.907	114,71%
Chi phí nguyên liệu, vật liệu khác	600.013.664	788.792.152	(188.778.488)	76,07%
Chi phí nhân công	21.145.862.702	18.029.879.829	3.115.982.873	117,28%
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.125.801.826	10.619.851.647	(1.494.049.821)	85,93%
Chi phí thuê tài sản hoạt động	11.121.352.044	11.580.315.552	(458.963.508)	96,04%
Chi phí gắn và thay đồng hồ nước	9.381.064.384	6.057.200.288	3.323.864.096	154,87%
Chi phí chống thất thoát nước	1.319.008.510	1.882.734.657	(563.726.147)	70,06%
Chi phí sửa bể	2.001.394.001	1.901.316.559	100.077.442	105,26%
Chi phí khác	313.560.890	243.866.338	69.694.552	128,58%
Tổng chi phí sản xuất	261.681.707.706	231.274.126.800	30.407.580.906	113,15%
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	0	0	-	
Giá vốn đã cung cấp	261.681.707.706	231.274.126.800	30.407.580.906	113,15%

b. Thuyết minh

Tổng giá vốn bán hàng quý 1 năm 2020 tăng so với quý 1 năm 2019 là 31.306.094.536 đồng, tỷ lệ tăng 113,37% do:

1. Tổng giá vốn nước quý 1 năm 2020 tăng so với quý 1 năm 2019 là 30.407.580.906 đồng, tỷ lệ tăng 113,15% do:

Chi phí mua sỉ nước sạch tăng 26.503.479.907 đồng, tỷ lệ tăng 114,71% do:

Sản lượng nước mua sỉ quý 1 năm 2020 giảm so với quý 1 năm 2019 là 898.446 m³, tỷ lệ giảm 2,55%, làm cho chi phí mua sỉ nước sạch giảm 5.415.625.845 đồng

Giá mua sỉ nước sạch tăng 907,17 đồng/m³, tỷ lệ tăng 117,72% làm cho chi phí mua sỉ nước sạch tăng 31.919.105.753 đồng.

2. Chi phí nguyên vật liệu khác giảm 188.778.488 đồng, tỷ lệ giảm 23,93%

3. Chi phí nhân công quý 1 năm 2020 tăng so với quý 1 năm 2019 là 3.115.982.873 đồng, tỷ lệ tăng 117,28%. Chủ yếu do quỹ lương tạm tính tăng, các khoản trích theo lương, chi phí đồng phục, khám sức khỏe, tiền com.

4. Chi phí khấu hao tài sản cố định giảm 1.494.049.821 đồng, tỷ lệ giảm 14,07%. Do một số tài sản đã hết thời gian khấu hao và thay đổi cách hạch toán chi phí khấu hao tài sản huyện Bình Chánh. Quý 1 năm 2020 chi phí khấu hao tài sản huyện Bình Chánh hạch toán vào giá vốn cung cấp dịch vụ, quý 1 năm 2019 đưa vào giá vốn nước.

5. Chi phí thuê TSCĐ quý 1 năm 2020 giảm so với quý 1 năm 2019 là 458.963.508 đồng, tỷ lệ giảm 3,96%.

6. Chi phí gắn và thay ĐHN quý 1 năm 2020 tăng so với quý 1 năm 2019 là 3.323.864.096 đồng, tỷ lệ tăng 154,87% do: quý 1 năm 2020 chi phí gắn ĐHN được kết chuyển toàn bộ vào kết quả kinh doanh, năm 2019 chi phí phân bổ gắn ĐHN là 5 năm

7. Chi phí CTTN quý 1/2020 giảm so với quý 1/2019 là 563.726.147 đồng, tỷ lệ giảm 29,94%

8. Chi phí sửa bể quý 1/2020 tăng so với quý 1/2019 là 100.077.442 đồng, tỷ lệ tăng 105,26%

9. Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ quý 1 năm 2020 cao hơn quý 1 năm 2019 là 898.513.630 đồng, tỷ lệ tăng 131,46%, do:

- Giá vốn dịch vụ quý 1 năm 2020 thấp hơn quý 1 năm 2019 là 70.920.899 đồng, tỷ lệ giảm là 2,48%

- Chi phí khấu hao TSCĐ cho thuê tăng cao hơn 969.434.529 đồng, do thay đổi cách hạch toán. Năm 2020

Công ty hạch toán vào giá vốn cung cấp dịch vụ còn năm 2019 thì hạch toán vào giá vốn nước.



III. CHI PHÍ BÁN HÀNG

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2020	Quý I năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	7.292.246.743	3.880.192.001	3.412.054.742	187,94%
Chi phí khấu hao	290.676.771	147.275.523	143.401.248	197,37%
Chi phí công cụ dụng cụ	136.219.368	149.935.981	(13.716.613)	90,85%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	416.371.819	351.671.713	64.700.106	118,40%
Cộng	8.135.514.701	4.529.075.218	3.606.439.483	179,63%

b. Thuyết minh:

Chi phí bán hàng quý 1 năm 2020 tăng 3.606.439.483 đồng so với quý 1 năm 2019, tỷ lệ tăng 179,63% do:

1) Chi phí nhân công tăng 3.412.054.742 đồng, tỷ lệ tăng 187,94%. Chi phí tăng chủ yếu: chi phí bảo hiểm nhân thọ, chi phí tiền lương, đồng phục, các khoản theo lương, tiền com

2) Chi phí khấu hao tăng 143.401.248 đồng, tỷ lệ tăng 197,37%

IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2020	Quý I năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân viên quản lý	6.393.756.106	4.974.459.612	1.419.296.494	128,53%
Chi phí đồ dùng văn phòng	471.040.847	798.374.628	(327.333.781)	59,00%
Chi phí khấu hao TSCĐ	803.653.070	1.132.707.527	(329.054.457)	70,95%
Thuế, phí và lệ phí	43.941.794	55.636.030	(11.694.236)	78,98%
Thuê đất	600.000.000	295.117.200	304.882.800	203,31%
Chi phí dự phòng	2.423.072.736	-	2.423.072.736	
Chi phí bằng tiền khác	4.842.495.138	2.855.806.362	1.986.688.776	169,57%
Cộng	15.577.959.691	10.112.101.359	5.465.858.332	154,05%

b. Thuyết minh:

Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 1 năm 2020 tăng so với quý 1 năm 2019 là 5.465.858.332 đồng, tỷ lệ tăng 154,05% chủ yếu do:

1. Chi phí nhân công tăng 1.419.296.494 đồng, tỷ lệ tăng 128,53%. Chi phí tăng chủ yếu: khoản chi phí bảo hiểm nhân thọ, chi phí tiền lương, đồng phục, các khoản theo lương, tiền com

2. Chi phí đồ dùng văn phòng giảm 327.333.781 đồng, tỷ lệ giảm 41%

3. Chi phí khấu hao giảm 329.054.457 đồng, tỷ lệ giảm 29,05%

4. Tiền thuê đất tăng 304.882.800 đồng, tỷ lệ tăng 203,31%

5. Chi phí dự phòng quý năm 2020 cao hơn quý 1 năm 2019 là 2.423.072.736 đồng. Do quý 1 năm 2020 Công ty trích khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi tiền nước theo biên bản Kiểm toán Nhà Nước năm 2017 và thanh tra thuế năm 2016 và năm 2018 và khoản thu công nợ tiền nước huyện Bình Chánh.

6. Chi phí bằng tiền khác tăng 1.986.688.776 đồng, tỷ lệ tăng 154,05%,

797
VGT
PHÁ
NÚ
) L
HỒ

IV. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2020	Quý I năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Tiền gửi có kỳ hạn	297.590.827	240.989.471	56.601.356	123,49%
Tiền gửi không kỳ hạn	14.064.374	8.870.251	5.194.123	158,56%
Cộng	311.655.201	249.859.722	61.795.479	124,73%

Doanh thu hoạt động tài chính của quý I năm 2020 biến động không đáng kể so với quý I năm 2019 tăng 61.795.479 đồng, tỷ lệ tăng 124,73% .

IV.CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2020	Quý I năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí lãi vay	770.356.913	644.973.105	125.383.808	119,44%
Cộng	770.356.913	644.973.105	125.383.808	119,44%

b. Thuyết minh:

Chi phí hoạt động tài chính quý I năm 2020 tăng so với quý 4 năm 2019 là 125.383.808 đồng, tỷ lệ tăng 119,44% do năm 2020 Công ty phải thanh toán lãi vay của các dự án năm 2017,2018 và 2019 đã được giải ngân trong năm 2019 và năm 2020.

V. THU NHẬP KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2020	Quý I năm 2019	Chênh lệch
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	-	909.091	(909.091)
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	-	110.352.758	(110.352.758)
Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước	11.668.000	-	11.668.000
Thu nhập khác	1.218	10.722.858	(10.721.640)
Cộng	11.669.218	121.984.707	(110.315.489)

b. Thuyết minh:

Thu nhập khác của quý 1/2020 giảm so với quý 1/2019 là 110.315.489 đồng, tỷ lệ giảm 90,43% giảm chủ yếu là khoản thu tiền khách hàng ống cái không hoàn vốn.

VI. CHI PHÍ KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2020	Quý I năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí hồ sơ mời thầu	7.421.015	150.000	7.271.015	4947,3%
Tiền phạt chậm nộp thuế TNDN theo BBKTNN 2017	-	92.367.240	(92.367.240)	
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	-	99.840.294	(99.840.294)	

Chỉ tiêu	Quý I năm 2020	Quý I năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ồng cái	(135.402.852)	56.274.762	(191.677.614)	-240,6%
Chi phí khác	106.610	42.276	64.334	252,2%
Cộng	(127.875.227)	248.674.572	(376.549.799)	-51,4%

b. Thuyết minh:

Chi phí khác của quý 1 năm 2020 giảm so với quý 1 năm 2019 là 376.549.799 đồng, tỷ lệ giảm 48,6% do:

- Chi phí tiền phạt do chậm nộp thuế TNDN năm 2017 theo BB kiểm toán Nhà nước là 92.367.240 đồng
- Chi phí thanh lý TSCĐ quý 1 năm 2020 giảm 99.840.294 đồng so với quý 1 năm 2019, do quý 1 năm 2020 không phát sinh khoản chi phí này.
- Chi phí ồng cái giảm 191.677.614 đồng.

VII. LỢI NHUẬN:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Quý I năm 2020	Quý I năm 2019	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lợi nhuận trước thuế TNDN gồm:	8.833.808.979	4.948.649.125	3.885.159.854	178,51%
Lợi nhuận nước	8.302.260.378	3.172.279.080	5.129.981.298	261,71%
Lợi nhuận cung cấp dịch vụ	850.705.868	2.298.173.293	(1.447.467.425)	37,02%
Lợi nhuận HĐTC	(458.701.712)	(395.113.383)	(63.588.329)	116,09%
Lợi nhuận khác	139.544.445	(126.689.865)	266.234.310	-110,15%
Thuế TNDN	1.578.087.374	888.880.686	689.206.688	177,54%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.255.721.605	4.059.768.439	3.195.953.166	178,72%

b. Thuyết minh:

Qua biến động của các chỉ tiêu doanh thu - chi phí nêu trên đã làm cho lợi nhuận trước thuế của quý 1/2020 là 8.833.808.979 đồng, cao hơn quý 1 năm 2019 là 3.885.159.854 đồng, tỷ lệ 178,51%. Lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2020 là 7.255.721.605 đồng cao hơn quý 1 năm 2019 là 3.195.953.166 đồng, tỷ lệ tăng là 178,72%.

Ngày 18 tháng 04 năm 2020

Người lập



Nguyễn Thị Kim Loan

Kế toán trưởng



Vũ Thị Như Quỳnh

Giám Đốc




Huỳnh Tuấn Anh

